TOÀ ÁN ND QUẬN LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **28** /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 23 tháng 8 năm 2017
V/v tranh chấp "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thị Thanh Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Công Chi**

2. Ông **Huỳnh Thị Lệ**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Bình** – Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Võ Quang Tiến** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp *"ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 08 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị H** – Sinh năm 1991

- *Bị đơn:* Ông **Lê Đoàn N** – sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: số 453 đường N, tổ 33, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

(Các bên đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn là bà Phạm Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lê Đoàn N kết hôn vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu

thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, ông N đánh đập tôi vô cớ, không chăm lo cho vợ con. Nay, bản thân tôi không còn tình cảm gì với ông N và tự thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Đoàn N.

- Về quan hệ con chung: Tôi xác nhận có 02 con chung Lê Thị Thu D – sinh ngày: 10.8.2010 và Lê Thị Thu H – sinh ngày: 06.9.2015

Ly hôn, tôi đề nghị được nuôi con chung Lê Thị Thu H, giao ông Nguyên nuôi con chung Lê Thị Thu D. Hai bên tự nuôi con, không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi xác nhận không có.

*** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, bị đơn là ông Lê Đoàn N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi xác nhận tôi và bà Phạm Thị H kết hôn vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tôi nhiều lúc nóng nảy, không kiềm chế được bản thân nên tôi xác nhận tôi có đánh bà H, nhưng bản thân vẫn còn tình cảm với vợ. Do vậy, bà H yêu cầu ly hôn tôi không đồng ý ly hôn, tôi mong muốn gia đình đoàn tụ.

- Về quan hệ con chung: Tôi xác nhận có 02 con chung Lê Thị Thu D – sinh ngày: 10.8.2010 và Lê Thị Thu H – sinh ngày: 06.9.2015. Trường hợp phải ly hôn, tôi đề nghị được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi xác nhận không có.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

- Về thủ tục: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H là phù hợp quy định pháp luật. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị

HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Lê Đoàn N. Giao con chung Lê Thị Thu H cho bà Hương nuôi dưỡng; ông N nuôi con chung Lê Thị Thu Diệu. Các bên tự nuôi con, không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

** Về thủ tục tố tung:*

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn giữa bà Phạm Thị H và ông Lê Đoàn N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208; 209; 210; 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới.

** Về nội dung tranh chấp:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Lê Đoàn N có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng vào năm 2009. Việc kết hôn giữa bà H và ông N là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối và không trái với quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị H và ông Lê Đoàn N là hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Phạm Thị H và ông Lê Đoàn N đều xác nhận giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N đánh đập bà H. Kết quả xác minh tại Công an phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng cũng thể hiện: "quá trình vợ chồng ông N, bà H sinh sống tại địa phương có một vài lần xảy ra xô xát, nguyên nhân là do ông Lê Đoàn N đánh đập vợ là bà H". Ngoài ra, phía bà H còn cho rằng hai vợ chồng bà thường xuyên bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, bản thân bà H không còn tình cảm gì đối với ông N. Xét mặc dù ông Ng xác định còn tình cảm với bà H và không đồng ý ly hôn nhưng việc ông có hành vi bạo lực gia đình đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Phạm Thị H yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn đối với ông Lê Đoàn N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về quan hệ con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự cùng xác nhận có 02 con chung Lê Thị Thu D – sinh ngày: 10.8.2010 và Lê Thị Thu H – sinh ngày: 06.9.2015

Bà Phạm Thị H đề nghị được nuôi con chung Lê Thị Thu H, giao ông N nuôi con chung Lê Thị Thu D. Hai bên tự nuôi con, không cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Ông Lê Đoàn N đề nghị nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Xét các con chung của bà H, ông N đều chưa thành niên, trong đó có cháu Lê Thị Thu H – sinh ngày: 06.9.2015 là dưới 36 tháng tuổi. Do vậy, việc bà H đề nghị được nuôi con chung Lê Thị Thu H là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với con chung Lê Thị Thu D – sinh ngày 10.8.2010 có nguyện vọng được ở với ông N, phù hợp với yêu cầu của ông N, bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Lê Đoàn N nuôi dưỡng cháu D.

Các bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này, nếu các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung thì có thể khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về nợ chung: Các bên đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị H.

1. Tuyên xử: Bà Phạm Thị H – sinh năm 1991 được ly hôn với ông Lê Đoàn N – sinh năm 1979.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê Thị Thu H – sinh ngày: 06.9.2015 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Lê Thị Thu D – sinh ngày: 10.8.2010 cho ông Lê Đoàn N trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên đương sự tự nuôi con, không cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* bà Phạm Thị H phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0007077 ngày 14.06.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà Phạm Thị H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/8/2017

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án Liên Chiểu;
- UBND phường H;
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Thủy